

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày 10/4/2026
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Vân Anh

Bà Mai Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (Viết tắt: H1)

Địa chỉ: Số B N, phường S, TP . Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân Đ – Chức vụ: Giám đốc Phòng G.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Đức T1. Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân.

2. Bị đơn: Ông Trần Tấn T2, sinh năm 1972. Số CCCD: 091072015620

Bà Đặng Thị Bé T3, sinh năm 1978. Số CCCD: 091178006704

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện và tại phiên toà sơ thẩm, ông Nguyễn Đức T1 – người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng H1 trình bày như sau:*

Ngân hàng TMCP P (H1) đã cho ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 vay tiền theo Hợp đồng tín dụng 24785/22MN/HĐTD ngày 01/06/2022; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 24785/22MN/HĐTD/PL01 ngày 05/07/2022 như sau: số tiền vay 2.962.500.000 đồng, mục đích vay và lãi suất vay được tính theo từng khế ước nhận nợ. Ngoài ra ông Tấn T2 còn sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 217-2020, ấp H, xã H, tỉnh An Giang. HĐTC số 25298/22MN/HĐBĐ 05/07/2022. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 626537, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS166046 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 05/02/2021, cập nhật thay đổi ngày 04/07/2022 đứng tên ông Trần Tấn T2.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 154+153+144-a, tờ bản đồ số 2, ấp H, xã H, tỉnh An Giang. HĐTC số 20866/22MN/HĐBĐ ngày 01/06/2022. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 801912, số vào sổ cấp giấy chứng nhận P000286QSDĐ/778 do UBND huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/04/2004, cập nhật thay đổi ngày 27/05/2022 đứng tên ông Trần Tấn T2.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho H1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/03/2025 là: 3.848.723.888 đồng (Ba tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Trong đó:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng là: 3.822.954.325 đồng (trong đó: Nợ gốc 2.962.500.000 đồng; Lãi trong hạn 391.924.760 đồng; Lãi quá hạn: 468.529.565 đồng).

- Thẻ tín dụng: 25.769.563 đồng, trong đó: Gốc: 11.948.721 đồng; Lãi/phí/phạt: 13.820.842 đồng.

2. Buộc ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, Đề nghị mở thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng đã ký kết với H1 kể từ sau ngày 15/03/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Trường hợp ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H1, Ngân hàng H1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán thì ông T2 và bà Bé T3 tiếp tục nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3:*

Bị đơn đã được Toà án thực hiện việc thông báo các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án thông qua việc niêm yết tại địa phương theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông Tấn T2 và bà Bé T3 vẫn vắng mặt nên không có lời khai của bị đơn tại Toà án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án dân sự tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang thụ lý và giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào ngày 01/6/2022 ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng H1 vay tổng số tiền 2.962.500.000 đồng (thông qua 03 đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ); mục đích để bổ sung vốn nuôi cá lóc, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 13.5%/năm. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông T2, bà Bé T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng H1 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp tín dụng có chữ ký của ông T2, bà Bé T3 nên đây được xem là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều

92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T2, bà B Tư thông qua gia đình và niêm yết tại địa phương nhưng ông bà vẫn cố tình trốn tránh, không hợp tác, không có mặt để chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của mình tới đâu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H1, buộc ông T2 và bà Bé T3 có trách nhiệm liên đới trả cho H1 tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/3/2025 là 3.848.723.888 đồng, trong đó:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng gốc và lãi là: 3.822.954.325 đồng (gốc: 2.962.500.000 đồng, lãi trong hạn 391.924.760 đồng, lãi quá hạn 468.529.565 đồng).

Khoản vay theo thẻ tín dụng gốc và lãi là 25.769.563 đồng (gốc: 11.948.721 đồng, lãi, phí, phạt là 13.820.842 đồng).

- Xét 02 hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

Hợp đồng thế chấp số 20866/22MN/HĐBĐ ngày 01/06/2022 được ký giữa Ngân hàng H1 và ông Trần Tấn T2 đối với diện tích đất 24.841m² đất tại thửa 154, 153, 144a, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 801912 cấp ngày 23/04/2004 đứng tên bà Đào Thị H (tặng cho ông Trần Tấn T2 ngày 17/5/2022). Đất tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

Hợp đồng thế chấp số 25298/22MN/HĐBĐ 05/07/2022 được ký giữa Ngân hàng H1 và ông Trần Tấn T2, bà Đặng Thị Bé T3 đối với diện tích 1.700,3m² đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 217-2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 626537 cấp ngày 05/02/2021 đứng tên bà Ngô Thị Thúy L (chuyển nhượng cho ông Trần Tấn T2 ngày 04/7/2022). Đất tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

Các Hợp đồng thế chấp trên được công chứng và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật đất đai nên có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Do đó, trong trường hợp ông T2, bà Bé T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng H1 thì Ngân hàng H1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015. Nếu các tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ cho H1 thì ông T2, bà Bé T3 vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục trả đến khi dứt nợ cho Ngân hàng H1.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T2, bà Bé T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 108.974.000 đồng.

- Ngân hàng H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

Buộc ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/03/2025 là 3.848.723.888 đồng (đối với cả khoản vay theo hợp đồng tín dụng và khoản vay Thẻ tín dụng).

Kể từ sau ngày 15/3/2025, ông T2 và bà Bé T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng H1 thì lãi suất mà ông T2, bà Bé T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng H1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông T2, bà Bé T3 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H1 thì H1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Tấn T2 và bà Đặng Thị Bé T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 108.974.000 đồng (Một trăm linh tám triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng) theo biên lai thu số 0003818 ngày 10/10/2025 Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc